

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nhân dân - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KÉ KHAI THÔNG TIN NHÂN S

Họ và tên khai sinh: Huynh B. Thôn

Tên gọi khác:

Ngày, tháng, năm sinh: 10/10/1958 Giới tính (Nam, Nữ): Nam

Quê quán: Huyện M., Huyện Duy Xuyên, Quảng Nam,

Chức vụ / Chức danh:

Nơi làm việc hiện tại: Trưởng Cao Lãnh K. thu thuế L. T. Tr. ng TP HCM

Nơi làm việc trước đây: Trưởng Cao Lãnh K. thu thuế L. T. Tr. ng TP HCM

Mã số hồ sơ: 79000H05.000449

Số hiệu đăng ký:

PHI U K É KHAI TH ÒNG TIN NH ã N S

D ã ng trong ã ã nh Gi ã o ã c



1) H ã v ã t ã n: Hu ã nh B ã Th ã nh
2) T ã n g ã kh ã c (N ã u c ã):
3) Gi ã t ã nh: Nam 4a) Ng ã y sinh: 10/10/1958
4b) N ã i sinh: Qu ã ng Nam
5) T ã nh tr ã ã ng h ã ã nh ã n: ã ã l ã p gia L ã nh

6a) S CMND: 020007785 6b) N ã i c ã p: CA. TPHCM

6c) Ng ã y c ã p: 23/11/2001 7) D ã n t c: Kinh
8) Tôn gi ã o: Không 9) Qu c t ã ch: Vi ã t Nam

10) Th ã nh ph ã ã nh xu ã t th ã n: 11) Di ã n j u t ã n c ã gia L ã nh:

12) Di ã n j u t ã n c ã b ã ã nh th ã n:

13) N ã ã ng khi ã u / S tr j ã ng:

14a) T ã nh tr ã ã ng s c kh e: T t 14b) Nh ã m m ã u: Nh ã m O

14c) Chi ã u cao (cm): 165 14d) C ã n ã ã ng (kg): 65.0

14e) Khu y ã t t ã t:

15) Qu ê quán: ã ã Xuy ã n M Hu y ã n Duy Xuy ã n T ã nh Qu ã ng Nam

16) H ã kh ã u th j ã ng tr ã: Ph ã ng 18C - 390 Ho ã ã ng V ã ã nh Th , Ph j ã ng 4, Qu ã ã n T ã n B ã nh

17a) N ã i h ã ã n nay: 350/35C C j x ã L ã T Tr ã ng, Ho ã ã ng V ã ã nh Th , Ph j ã ng 4, Qu ã ã n T ã n B ã nh, TPHCM

17b) ã ã ã nh tho ã c ã quan: 38 440 567 17c) ã ã ã nh tho ã c ã nh ã r ã ã ng:

17d) ã ã ã nh tho ã c ã di L ã ng: 01223110449 17e) Email:

17g) S t ã i kho ã ã c ã ã nh ã n: 1603205275887 17h) Ng ã n h ã ã ng m TK: NH NN & Ph ã t tri ã n N ã ã ng th ã n

18a) Ng ã y h ã p L ã ng: 01/09/2010 18b) Ng ã y tuy ã n d ã ng: 01/09/2010

18c) C ã quan t ã p nh ã ã nh l ã m vi ã c: Tr j ã ng C ã KT L ã T Tr ã ng TPHCM

18d) C ã ã ng vi ã c L j c gi ã o (khi h ã p L ã ng/ tuy ã n d ã ng): B ã o v ã

19) Ng ã y b ã nh ã m v ã o ng ã ã ch: 01/10/2010 20a) Ng ã y v ã c ã quan h ã ã n nay: 01/09/2010

20b) Thu c ã lo ã c ã n b : H ã p L ã ng c ã th ã h ã ã n 20c) C ã ã ng vi ã c h ã ã n nay: B ã o v ã

20d) ã ã ng ã ã ã b ã o h ã ã m x ã h ã i: 21) Ng ã y v ã o ã ã ã nh GD: 01/09/2010

22a) Ch c v ã ch ã ã nh quy ã ã nh h ã ã n t ã i:

22b) H ã s ph c ã p ch c v : 22c) Ng ã y b ã nh ã m ch c v ã h ã ã n t ã i:

22d) L ã ã b ã nh ã m CVCQ h ã ã n t ã i:

22e) Ch c v ã ki ã m nh ã m:

22g) Ch c v ã ch ã ã nh quy ã ã nh cao nh ã t L ã qua:

23a) Ng ã y v ã o ã ã ã ng CSVN: 23b) Ng ã y ch ã ã nh th c:

23c) Ch c v ã ã ã ã ng h ã ã n t ã i:

24a) Ng ã y tham gi ã t ch c ch ã ã nh tr ã x ã h ã i:

24b) T ã n t ch c CT - XH:

25) Ch c v Lo n th hien nay:

26) nang theo h c kh a Lo t o/ b i d j ng: Có ☐

27a) H c v n ph th ng: a) T t nghi op: THPT ☒ THCS ☐ 27b) H c h t l p: 12 H o: 12 N m

28a) Tr n h L chuy n m n cao nh t:

28b) Chuy n ng nh Lo t o:

28c) N i Lo t o:

28d) H nh th c Lo t o: 28e) N m t t nghi op:

29) n qua kh a b i d j ng nghi op v SP: Có ☐

30a) M n d ly ch nh: Nhân viên 30b) C c m n Lang d ly kh c:

31a) C c l p Lang d ly: P. TCHCTH 31b) Thu c t chuy n m n:

32a) Tr n h L LLCT:

32b) Tr n h L QLNN:

32c) Tr n h L QLGD: 33) T n Tin h c:

34a) Ngo i ng th nh th o nh t: 34b) Ngo i ng kh c:

35a) Ch c danh: 35b) N m c ng nh n:

36) Danh hi u L j c phong/ t ng cao nh t:

37a) Ng l ch c ng ch c (vi n ch c): N h a n vi n b o v o 37b) M n ng l ch: 01011

37c) B c l j ng: 4 37d) HS l j ng: 2.040 37e) H j ng 85%: ☐

37g) Ch nh lo ch b o l j u HSL: 37h) H j ng t ng y: 01/10/2016

37i) M c t nh n ng l j ng l n sau: 01/10/2016 38a) % ph c p th m ni n v j t khu ng:

38b) % PC ki m nghi om: 38c) HSPC tr c h nghi om: 38d) HSPC khu v c:

38e) % PC thu h t: 38g) % PC j u L i: 38h) % PC L c th c:

38i) % PC L c bi t: 38k) HSPC l j u L ng: 38l) HSPC L c h li:

38m) HSPC kh c: 39) S s BHXH: 7910481980

39b) Ng y b t l u L ng BHXH: 12/11/2010 39c) S th ng L n L ng: 73

40) Ghi chú:

41) Di n bi n l j ng v ph c p (Ghi theo c c quy t L nh n ng b c l j ng, n ng ng l ch t 4/1993 L n nay)

T	M n ng l ch c ng ch c	L j ng L j c x p				H o s ph c p											L y do
		B c	H o s	Ch nh lo ch b o l j u HSL	85%	V j t khu ng	Ki m nghi om	Khu v c	ñ c bi t	Thu h t	L j u L ng	ñ c h li	ñ c th c	u L i	Tr c h nghi om	Kh c	
01/09/2010-30/09/2012	01011	1	1.500														
01/10/2012-30/09/2014	01011	2	1.680														
01/10/2014-30/09/2016	01011	3	1.860														
01/10/2016-	01011	4	2.040														

42) Qu tr n h Lo t o (ch ghi nh ng kh a Lo t o L n L j c c p b ng t t nghi op)

Nh p h c	T t nghi op	N i Lo t o (tr j ng, n j c)	Ng nh Lo t o	H nh th c n T	B ng L j c c p	S v n b ng	Ng y c p
----------	-------------	-----------------------------	--------------	---------------	----------------	------------	----------

43) Qu tr n h b i d j ng (ch ghi nh ng kh a Lo t o L n L j c c p ch ng ch hay ch ng nh n)

Th i gian	N i b i d j ng (tr j ng, n j c)	N i dung b i d j ng	Lo i h nh b i d j ng	Ch ng nh n, ch ng ch L j c c p
-----------	---------------------------------	---------------------	----------------------	--------------------------------

44) ăc Lm lch s bđn thán (trj c khi Lj c tuyđn d ng)

T th'ng, nNm L•n th'ng, nNm	ăh c v t t nghiop nh ng trj ng n, Lâu ho c l m nh ng cng vi c g (k cđ h p L ng lao L ng) trong c- quan, L-n v, t ch c n, Lâu (k khai nh ng thnh t'ch n i btt trong h c ttp, lao L ng) ? Trj ng h p b btt, b t (th i gian n, Lâu, ai bi t) ?
-----------------------------	---

45) Qu" trnh cng t" c (t khi Lj c tuyđn d ng v c- quan nh n j c)

T ... L•n	L m g ? Lâu ? Ch c danh, ch c v cao nhđt (ăđng, chnh quy, Lo n th) L qua?
-----------	---

46) Qu" trnh tham gia t ch c chnh tr- x- h i, h i ngh nghiop

T ... L•n	Ch c v / ch c danh; T2n t ch c, t2n h i; N-i Ltt tr s
-----------	---

47) Khen thj ng

NNm khen	N i dung, hnh th c khen thj ng; C- quan khen thj ng
----------	---

48) K lu tt

Ng y b KL	Hnh th c k lu tt	C- quan ra quy t Lnh k lu tt	C- quan cng t" c khi b k lu tt	Nguy2n nh n b k lu tt
-----------	------------------	------------------------------	--------------------------------	-----------------------

49) Tham gia l c l j ng vỹ trang

TT	Ng y nh p ngỹ	Ng y xuđt ngỹ	Cđ p bpc	Ngh nghiop v c ch c v cao nhđt trong LLVT
----	---------------	---------------	----------	---

50) Nj c ngo i L•n

T ... L•n	T2n nj c L•n	M c L'ch Li nj c ngo i
-----------	--------------	------------------------

51a) Quan ho gia Lnh (Ch khai v bđn thán v ho c ch ng v c c con)

Quan ho	H v t2n	NNm sinh	Hion Lang l m g, Lâu (ghi L-a ch n-i thj ng tr%)
V	Thi Th Ph'm	1964	Nh n vi2n trj ng CăKT LĬ T Tr ng TPHCM
Con	Huunh B" đlt	1992	Sinh vi2n trj ng đli h c S i G n
Con	Huunh B" Tri t	1994	H c sinh cđ p l l trj ng THPT LĬ T Tr ng TPHCM

51b) Quan ho gia Lnh, thán t c c a bđn thán (Đng b n i ngo li, b m, b m nu», anh ch em ru t)

Quan ho	H v t2n	NNm sinh	Hion Lang l m g, Lâu (ghi L-a ch n-i thj ng tr%)
Cha L	Huunh KĬ	1914	ă mđt
M L	Nguy n Th b n	1918	ă mđt
Anh ru t	Huunh H	1940	Quđng Nam
Anh ru t	Huunh B" Cn	1948	Bu»n b" n - QuTn 7, TPHCM
Anh ru t	Huunh B" Nam	1952	Bu»n b" n - Phj ng 7, QuTn T n Bnh, TPHCM

51c) Quan ho gia Lnh, thán t c c a v / ch ng(Đng b n i ngo li, b m, anh ch em ru t c a v / ch ng)

Quan ho	H v t2n	NNm sinh	Hion Lang l m g, Lâu (ghi L-a ch n-i thj ng tr%)
---------	---------	----------	--

52) Thán nh n Lang nj c ngo i (ch khai »ng b n i ngo li, b m, v , ch ng, con, anh ch em ru t)

H v t2n	Quan ho	NNm sinh	Ngh nghiop	Nj c Lnh c j	Qu c tch	NNm đ. c j
---------	---------	----------	------------	--------------	----------	------------

53) Qu" trnh nghi2n c u khoa h c

T ... L•n	Cđp quđn lĬ	C- quan ch trj	Ch c danh tham gia	T2n L t i, d n, SKKN	Lo li hnh	Ngày ngh. thu	X p lo li	N-i quđn lĬ k t quđ
-----------	-------------	----------------	--------------------	----------------------	-----------	---------------	-----------	---------------------

54) đnh gi c n b cng ch c (trong 5 nNm gđn nhđt)

Năm	Xếp loại				Cấp nhậm và cấp giao	Nhậm xong cấp quản lý nhân sự
	Thứ	CM	SK	Chung		
2011	T	Gi	T	Xuất S	B	
2011	T	Gi	T	Xuất S	B	
2012	T	Gi	T	Xuất S	B	
2013					B	
2013	T	Gi	T	Xuất S	B	
2014					B	
2014					B	
2015					B	
2015	T	Khá	T	Khá	B	
2016	T	Gi	T	Xuất S	B	

55) Cấp khóa đào tạo/ bổ d

T	Trình độ đào tạo/ bổ d	Hình thức ĐT/ BD	Ngành đào tạo/ Nội dung bổ d	Nội độ đào tạo/ bổ d (trình độ, n)
---	------------------------	------------------	------------------------------	------------------------------------

56) Quá trình giảng dạy cấp giáo viên (khai 5 năm giảng dạy nhất)

Năm học	Cấp độ dạy	Kết quả khảo sát học sinh cuối năm học (tỉ lệ HS trung bình trở lên)	Kết quả khảo sát học sinh cuối năm học (tỉ lệ HS lớp I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII)
---------	------------	--	--

57) Quá trình kiểm tra, thanh tra hoạt động xã hội của giáo viên

Năm thanh tra	Nội dung kiểm tra, thanh tra	Hết, Chưa có thanh tra viên	Xếp loại	Nhậm xong, Kiểm tra, Kiểm tra
---------------	------------------------------	-----------------------------	----------	-------------------------------

Tại cam Loan nh

X cấp nhậm cấp cấp quản lý nhân sự

....., Ng@y.....th

....., Ng@y.....th

Ng